

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 12 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Hoan

Bà Hoàng Thị Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 27 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hoài L**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà 69A, tổ dân phố 10, phường N, thành phố Đ(nay là phường M), tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hải G**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Bản T, xã T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hoài L và anh Nguyễn Hải G kết hôn vào ngày 06/10/2018 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận Đ1, thành phố Hà Nội nay là phường Ô, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên cãi vã, đánh nhau dẫn đến không thể duy trì cuộc sống chung, chị L đã chuyển về nhà bố mẹ ở nhà 69A, tổ 10, phường N, thành phố Đ(nay là phường M), tỉnh Điện Biên. Do đó, anh chị đã ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh G.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Bá Đăng P, sinh ngày 01/02/2019. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng để anh G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu P. Về cấp dưỡng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:

Anh G nhất trí với trình bày của chị L về quá trình kết hôn và con chung. Anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và có 01 con chung là cháu Nguyễn Bá Đăng P, sinh ngày 01/02/2019, hiện cháu P đang do anh nuôi dưỡng chăm sóc, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu P do anh có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định, đủ điều kiện chăm sóc cháu. Anh nhất trí với ý kiến giao con chung cho anh chăm sóc còn về hôn nhân anh không nhất trí ly hôn vì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về cách nuôi dạy con cái, chị L không biết vun vén chăm sóc chồng con và không chung thủy với anh G. Mặc dù hai vợ chồng đúng có việc cãi nhau, đánh nhau và đã sống ly thân mỗi người một nơi nhưng nguyên nhân là do chị L, còn bản thân anh vẫn muốn đoàn tụ để cùng chăm sóc con cái. Về cấp dưỡng nuôi con cũng như về tài sản và nợ, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, có mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện còn bị đơn không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi đăng ký tạm trú tại bản T, xã T, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3] Về điều luật áp dụng: Chị L và anh G kết hôn vào ngày 06/10/2018 nên Tòa án sẽ áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân cũng như để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh G kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội trên tinh thần tự nguyện nên theo

quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân trên là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị L, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau dẫn đến không thể duy trì cuộc sống chung, chị L phải chuyển về ở với bố mẹ đẻ ở tổ 10, phường N nên vợ chồng đã sống ly thân từ 2023 cho đến nay. Tại Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân do chị L cung cấp thể hiện chính quyền địa phương xác nhận anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Cả hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của người vợ, người chồng, dẫn đến không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình với nhau quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh G, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, hai vợ chồng cãi nhau, đỉnh điểm có đánh nhau nhưng nguyên nhân là do phía chị L còn bản thân anh G vẫn có nguyện vọng quay về đoàn tụ.

Như vậy, có căn cứ xác định giữa chị L và anh G không còn tình cảm vợ chồng, không còn duy trì cuộc sống chung nên mục đích hôn nhân không đạt được. Để giải phóng khỏi cuộc sống hôn nhân không hạnh P nên đề nghị ly hôn của chị L là phù hợp theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh G.

[4.2] Về con chung:

Chị L và anh G có 01 con chung là cháu Nguyễn Bá Đăng P, sinh ngày 01/02/2019, hiện cháu đang ở cùng anh G. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng giao con chung cho anh G chăm sóc còn anh G cũng có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc con chung. Để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý của cháu cũng như phù hợp với nguyện vọng cả hai anh bố mẹ, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Bá Đăng P, sinh ngày 01/02/2019 cho anh Nguyễn Hải G nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên HĐXX không giải quyết.

[4.3] Về tài sản và nợ: Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, nguyên đơn chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 19, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hoài L. được ly hôn với anh Nguyễn Hải G.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Bá Đăng P, sinh ngày 01/02/2019. Giao cháu Nguyễn Bá Đăng P cho anh Nguyễn Hải G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị Hoài L phải chịu phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000096 ngày 10/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Chị Trần Thị Hoài L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/12/2025).

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1- ĐB;
- UBND phường Văn Miếu, quận Đống Đa
nay là phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội;
(Nơi đăng ký kết hôn)
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký đóng dấu)**

Trần Thị Thu Trà